



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Quản trị chất lượng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01					ĐK
2	000002	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	1	3,6	1	An	chấn
3	000003	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	2	7,2	1	Anh	lẻ
4	000004	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	3	4,1	1	Anh	chấn
5	000005	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	4	3,3	1	Anh	lẻ
6	000006	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	5	4,7	1	Ánh	chấn
7	000007	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	6	4,2	1	Bách	lẻ
8	000008	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	7	4,1	1	Bình	chấn
9	000009	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	01	8	6,9	1	Đồng	lẻ
10	000010	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	01					HP, ĐK
11	000011	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	9	4,2	1	Dũng	lẻ
12	000012	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	01					HP, ĐK
13	000013	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	10	3,6	01	Duy	HP
14	000014	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	11	2,7	01	Duyên	chấn
15	000015	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	12	7,2	1	Giang	lẻ
16	000016	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	13	3,3	1	Hải	chấn
17	000017	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	01	14	7,2	1	Hằng	lẻ
18	000018	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	15	1,9	1	Hào	chấn
19	000019	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	16	6,9	1	Hiệp	lẻ
20	000020	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	17	3,6	1	Huệ	chấn
21	000021	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	18	5,5	1	Huệ	lẻ
22	000022	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	19	4,9	1	Hùng	chấn
23	000023	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	20	6,3	1	Hương	lẻ
24	000024	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	21	4,8	1	Hương	chấn
25	000025	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	22	6,9	1	Huy	lẻ
26	000026	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	23	1,5	1	Huyền	chấn
27	000027	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	24	7,9	1	Huyền	lẻ
28	000028	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	25	2,8	1	Khánh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 25

Ngày ... tháng ... năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phan Thuý Nga Trần Thị Thanh Vân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Quản trị chất lượng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	53	5,1	1	Kiên	Lẻ
2	000030	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	01	54	4,6	1	Liều	chẵn
3	000031	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	55	4,1	1	linh	lẻ
4	000032	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	56	2,3	1	Lĩnh	chẵn
5	000033	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	57	3,2	1	Lộc	Lẻ
6	000034	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	58	2,3	1	ly	chẵn
7	000035	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	59	7,4	1	Thế Minh	lẻ
8	000036	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	60	4,4	1	minh	chẵn
9	000037	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	61	4,5	1	Minh	Lẻ
10	000038	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	62	2,0	1	Thúy	chẵn
11	000039	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	63	8,4	1	M	lẻ
12	000040	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	64	5,1	1	ngoan	chẵn
13	000041	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	65	6,1	1	Nhung	lẻ
14	000042	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	66	2,3	1	Phi	chẵn
15	000043	1101031222	Bùi Thu	Phuong	23/09/2005	QT11A	01	67	7,7	1	Phuong	Lẻ
16	000044	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	68	3,8	1	Quang	chẵn
17	000045	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	69	7,0	1	Quỳnh	lẻ
18	000046	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	70	3,6	1	Thái	chẵn
19	000047	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	71	5,9	1	Thảo	lẻ
20	000048	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	72	5,3	1	Thu	chẵn
21	000049	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	73	6,1	1	Xuân	lẻ
22	000050	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	74	4,1	1	Uyên	chẵn
23	000051	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	75	4,9	1	Vân	lẻ
24	000052	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01	76	4,4	1	Vy	HP chẵn
25	000053	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	77	7,6	01	N.Anh	Lẻ
26	000054	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	78	4,9	1	Chu	chẵn
27	000055	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	79	5,1	1	Anh	lẻ
28	000056	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	80	4,9	1	Anh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 28.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 07 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Đào Thị Hồng Xiem



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Quản trị chất lượng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000057	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	26	2,5	1	Ánh	lẻ
2	000058	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	27	4,6	1	Biên	chẵn
3	000059	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02	28	2,5	1	Quang	lẻ
4	000060	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	29	4,0	01	Đạt	CHẴN
5	000061	1101031373	Dương Thị Huyền Diệu		05/07/2005	QT11B	02					HP,ĐK
6	000062	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	30	5,6	01	Duy	chẵn
7	000063	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	31	3,1	1	Duy	lẻ
8	000064	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	32	5,4	1	Giang	Chẵn
9	000065	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	33	3,6	1	Hà	lẻ
10	000066	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	50	2,4	1	Hải	chẵn
11	000067	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	51	2,3	1	Hằng	lẻ
12	000068	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	02	52	0,6	1	Hiền	chẵn
13	000069	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	34	2,1	01	Hiếu	lẻ
14	000070	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	35	4,6	01	Phạm	chẵn
15	000071	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	36	1,7	01	Hùng	lẻ
16	000072	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	37	0,8	01	Hùng	Chẵn
17	000073	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	02	38	2,6	1	tho	lẻ
18	000074	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	39	4,6	1	m	chẵn
19	000075	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	40	3,3	1	Ph	lẻ
20	000076	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	41	3,1	1	Huyền	Chẵn
21	000077	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	42	2,1	1	Khuyên	lẻ
22	000078	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	43	6,8	1	Lan	chẵn
23	000079	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	44	3,4	1	Ng	lẻ
24	000080	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	45	7,9	1	linh	Chẵn
25	000081	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	46	4,2	1	Linh	lẻ
26	000082	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	47	1,7	1	Linh	chẵn
27	000083	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	48	3,9	1	Linh	lẻ
28	000084	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	49	4,1	1	Lợi	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 27.....

Tổng số tờ giấy thi: 27.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 7..... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị chất lượng

chẵn/lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000085	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	81	4,4	01	Ly	lẻ
2	000086	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	82	5,0	01	2y	chẵn
3	000087	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	83	4,5	01	Ngọc	lẻ
4	000088	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	84	3,6	01	Minh	chẵn
5	000089	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	85	5,2	01	Thạch	lẻ
6	000090	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	02	86	3,6	01	Mừng	chẵn
7	000091	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	02					HP-ĐK
8	000092	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	87	7,3	01	Ngân	chẵn
9	000093	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	88	5,7	01	Thảo	lẻ
10	000094	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	89	5,6	01	Nguyệt	chẵn
11	000095	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	90	4,2	01	Như	lẻ
12	000096	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	91	5,1	01	Phong	chẵn
13	000097	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	92	3,3	01	Quân	lẻ
14	000098	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	93	3,1	01	Quân	chẵn
15	000099	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02	94	3,9	01	Quỳnh	lẻ
16	000100	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	95	3,1	01	Thảo	chẵn
17	000101	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	96	7,2	01	Thương	lẻ
18	000102	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	97	4,3	01	Tiên	chẵn
19	000103	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	98	3,3	01	Trang	lẻ
20	000104	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	99	5,9	01	Trang	chẵn
21	000105	1101030728	Nguyễn Kiều	Trình	03/10/2005	QT11B	02	100	5,9	01	Trình	lẻ
22	000106	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	101	3,6	01	Uyên	chẵn
23	000107	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	102	4,4	01	Thắm	lẻ
24	000108	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	103	4,3	01	Vân	chẵn
25	000109	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	104	3,0	01	Vũ	lẻ
26	000110	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	105	4,6	01	Vy	chẵn
27	000111	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	106	4,4	01	Yến	lẻ
28	000112	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	107	5,1	01	Bảo	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 27....

Tổng số tờ giấy thi: 27....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày/... tháng 1... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Le Thi Lan

Đặng Hoài Nam